

Bản án số: **611/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 10/9/2018
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Mai**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Thành Trại**

2. Ông **Nguyễn Hoàng Lợi**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Phục** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị C** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 243/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/4/2018 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Phạm Thị B**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp BP, xã BT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Mai Châu T**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp BP, xã BT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Chị B có mặt, anh T vắng mặt)

NHẬN THẤY:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai ngày 18/4/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Phạm Thị B trình bày:*

- Chị và anh Mai Châu T là vợ chồng, cưới nhau khoảng năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã BT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị chung sống tương đối hạnh phúc, nhưng đến khoảng đầu năm 2010 cho đến nay thì giữa chị và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp. Anh T ham mê cờ bạc, không quan tâm, chăm sóc vợ con.

Anh chị đã nhiều lần hòa giải mong hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Hiện tại, mâu thuẫn vợ chồng ngày trở nên trầm trọng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Châu T.

- Về con chung: Có 02 con chung, tên **Mai Thị Tuyết S**, đã trưởng thành và **Mai Minh H**, sinh ngày 09/11/2002. Hiện tại cháu H đang sống với chị, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H cho đến tuổi trưởng thành, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu H hàng tháng số tiền 2.000.000đồng.

- Về nợ chung: Không có.

- Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện ngày 18/4/2018, chị B trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đến ngày 25/5/2018, chị B có đơn khởi kiện bổ sung, chị yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình, gồm: Thửa đất 1433, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.255m², tọa lạc tại ấp BP, xã BT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) vào sổ số 03064 QSDĐ do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ Mai Châu T ngày 11/11/2003. Trị giá thửa đất ước lượng khoảng 70.000.000đồng.

Thửa đất 1434, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.267m², tọa lạc tại ấp BP, xã BT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang, theo GCNQSDĐ vào sổ số H00018 do UBND huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ Mai Châu T ngày 24/03/2005. Trên đất có 01 ngôi nhà tường cấp 4 (tường gạch, mái tole, nền gạch men) do vợ chồng chị tự xây cất (diện tích khoảng 07m x 15m = 105m²). Trị giá nhà + thửa đất ước lượng khoảng 130.000.000đồng.

Cách chia: Chia đều cho 04 thành viên trong gia đình gồm Mai Châu T, chị, Mai Thị Tuyết S, Mai Minh H. Phần của chị, chị xin nhận bằng hiện vật.

Đến ngày 22/6/2018, nguyên đơn và đồng thời là đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là Mai Minh H có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung nói trên; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Mai Thị Tuyết S, Mai Minh H được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng có liên quan đến chị S, anh Hoài nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án cả hai đương sự không có bất kỳ văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án.

*** Bị đơn anh Mai Châu T** đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tham gia phiên hòa giải, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa, nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản nêu ý kiến gửi Tòa án đối với các yêu cầu khởi kiện của chị B.

Tại phiên tòa hôm nay

- Nguyên đơn Phạm Thị B vẫn kiên quyết xin được ly hôn với anh T, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Mai Minh H, không còn yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con và chị vẫn giữ ý kiến xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình như đã thể hiện trong đơn ngày 22/6/2018 (bl 35).

- Anh Mai Châu T vẫn vắng mặt.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT**, tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: *Về phân thủ tục*, kể từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án, trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Phạm Thị B được ly hôn với anh Mai Châu T. Về con chung, giao con chung Mai Minh H cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn. Về nợ chung: Chị B khai không có, nên không đặt ra xem xét.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời khai của chị B tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Mai Châu T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về việc xác định tư cách người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào đơn yêu cầu chia tài sản chung ngày 25/5/2018 (bl 26) của nguyên đơn, Tòa án xác định 02 con chung của chị B và anh T là Mai Thị Tuyết S và Mai Minh H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, Hoài có đại diện theo pháp luật là nguyên đơn tham gia tố tụng. Tuy nhiên, từ khi thụ lý yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn cho đến khi nguyên đơn rút lại yêu cầu này vào ngày 22/6/2018 (bl 35), Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng, cũng như triệu tập chị S, anh Hoài tham gia các giai đoạn tố tụng theo luật định nhưng họ đều vắng mặt và không có bất kỳ văn bản thể hiện ý kiến của mình gửi cho Tòa án. Nhận thấy, chị S, anh Hoài không còn liên quan đến việc giải quyết tranh chấp “Xin ly hôn” giữa chị B và anh T, nên sau đó Tòa án đã không triệu tập chị S, anh Hoài tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Vụ án có quan hệ tranh chấp “Ly hôn”.

Tại phiên tòa, xét thấy việc rút lại yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 217 và Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Khi cần, chị B có quyền khởi kiện lại để yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ kiện khác. Chị B được trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp đối với yêu cầu chia tài sản chung theo quy định tại Khoản 3 Điều 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị B và anh Mai Châu T xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, được UBND xã BT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 040, quyển số I, ngày 19/11/1999.

Tại phiên tòa hôm nay, chị B trình bày nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do anh T thường xuyên cờ bạc (đánh bài lá, cá độ bóng đá, chơi đề), nhiều năm không cùng chị chăm lo kinh tế gia đình, không lo cho con chung, mọi việc gia đình trong ngoài đều do chị quán xuyến. Chủ nợ nhiều lần đến nhà đòi nợ, chửi lớn tiếng hàng xóm đều biết... Chị khuyên nhủ anh T sửa đổi tính tình nhưng nhiều năm nay anh hoàn toàn không sửa đổi. Do đó, chị quyết định ly thân với anh T từ đầu năm 2018 cho đến nay.

Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn, chị không thể tiếp tục chấp nhận tật xấu này của anh T nên kiên quyết xin ly hôn với anh.

Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị B trình bày là hoàn toàn phù hợp với nội dung được thể hiện ở Biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị ngày 23/4/2018 (bl 18). Đối với anh T, Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ anh tham gia các giai đoạn tố tụng liên quan đến việc giải quyết vụ án, nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do, từ đó cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị B.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy đời sống vợ chồng giữa chị B và anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không hạnh phúc, anh chị không tìm được cách giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của chị B đối với anh T là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Có 02 con chung như các đương sự đã trình bày. Trong đó, con chung Mai Thị Tuyết S, sinh năm 1999 đã trưởng thành và lao động được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; đối với con chung Mai Minh H, sinh ngày 09/11/2002, Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh T và chị B ly thân cho đến nay, cháu H được chị B trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, chị B có nghề nghiệp và thu nhập ổn định (bl 18). Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định và đáp ứng theo nguyện vọng chính đáng của cháu H, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu H cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị B đã rút lại yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định mà không ai được cản trở.

[6] Về nợ chung: Chị B trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử như đã phân tích, nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, điểm c Khoản 1 Điều 217, Khoản 2 Điều 244, Khoản 3 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị B đối với yêu cầu chia tài sản chung.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị B:

- **Về hôn nhân:** Chị Phạm Thị B được ly hôn với anh Mai Châu T.

- **Về con chung:** Giao con chung tên **Mai Minh H**, sinh ngày 09/11/2002 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung Mai Minh H.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

- Chị B phải chịu **300.000đồng** án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, căn trừ với số tiền tạm ứng án phí mà chị đã đóng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008179 ngày 20/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Như vậy chị B đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị B **1.250.000đồng** tiền tạm ứng án phí chia tài sản theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008339 ngày 30/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

4. Quyền kháng cáo: Chị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án tuyên lúc 16 giờ 55 phút cùng ngày ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện CT;
- Chi cục THADS huyện CT;
- UBND xã BT, huyện CT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HUỲNH THỊ TRÚC MAI